

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

[Từ vựng tiếng Nhật nâng cao 1]

Mã học phần: JAV33031- Số tín chỉ: 02

Dùng cho (các) ngành: Ngôn ngữ Anh Nhật

Điều kiện tiên quyết (nếu có): Từ vựng tiếng Nhật 2

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

1. Mô tả chung về học phần

Học phần Từ vựng tiếng Nhật nâng cao 1 trang bị cho người học vốn từ vựng và chữ Hán tương đương trình độ sơ - trung cấp N4 và N3, cụ thể là Từ vựng và chữ Hán từ bài 1 đến bài 7 giáo trình *Kanji Master N3*. Sau khi học xong, người học có thể vận dụng để học tốt hơn các học phần khác như Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1, Tổng hợp tiếng Nhật nâng cao 1; đồng thời có thể đọc tốt những văn bản tiếng Nhật ở trình độ N4 và dạng bài đọc hiểu đoạn văn N3; bước đầu có khả năng phân tích, nghiên cứu cách thức hình thành, ý nghĩa, và cách sử dụng của từ vựng tiếng Nhật. Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, và C4 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Nhật.

2. Các chữ viết tắt: Không

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a1	Ghi nhớ mặt chữ, cách đọc và nắm được ý nghĩa của khoảng 140 chữ Hán thuộc cấp độ N3
a2	Vận dụng các từ vựng đi kèm với các chữ Hán được học trong bài để đặt câu, điền từ, làm bài tập
b1	Vận dụng chữ Hán, từ vựng đã học để nâng cao kỹ năng đọc hiểu văn bản trình độ N4 và đoạn văn N3.
c1	Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm

4. Giáo trình và tài liệu học tập

4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:

+ アークアカデミー, “漢字マスター-N3”, 三修社, 2011

4.2. Tài liệu tham khảo:

+ 池田庸子 - 坂野永理, *Kanji - Look and Learn*, The Japan Times, 2009.

5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần phải tham gia đầy đủ các tiết học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì được sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành các nhiệm vụ học tập đúng tiến độ. Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định
- Có đầy đủ tài liệu học tập
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Làm bài tập về nhà và trên lớp đầy đủ, đạt kết quả.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về môn học, nâng cao vốn từ, trau dồi kỹ năng tự học, chăm chỉ, chủ động luyện tập để củng cố, nâng cao, mở rộng kiến thức.

5. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
Bài 1: 1 章 - 生活 1.1. Bộ thủ chữ Hán bài 1 1.2. Kanji và từ vựng (20 chữ Hán) 1.3. Luyện tập đọc, viết, làm bài tập vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng chữ Hán, từ vựng vừa học để đặt câu, làm bài tập 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp - Làm bài tập về nhà - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet 	9	a1, a2, b1, c1
Bài 2: 2 章 - 家 2.1. Bộ thủ chữ Hán bài 2 2.2. Kanji và từ vựng (20 chữ Hán) 2.3. Luyện tập đọc, viết, làm bài tập vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng chữ Hán, từ vựng vừa học để đặt câu, làm bài tập 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet 	9	a1, a2, b1, c1
1 章・2 章のアービュメントテスト 1 章・2 章のクイズ	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập, chữa bài tập 	1	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao 	3	a1, a2, b1, c1
Bài 3: 3 章 - 料理 3.1. Bộ thủ chữ Hán bài 3 3.2. Kanji và từ vựng (20 chữ Hán) 3.3. Luyện tập đọc, viết, làm bài tập vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng chữ Hán, từ vựng vừa học để đặt câu, làm bài tập 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet 	9	a1, a2, b1, c1
Bài 4: 4 章 - 病院 4.1. Bộ thủ chữ Hán bài 4 4.2. Kanji và từ vựng (20 chữ Hán) 4.3. Luyện tập đọc, viết, làm bài tập vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng chữ Hán, từ vựng vừa học để đặt câu, làm bài tập 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet 	9	a1, a2, b1, c1
3 章・4 章のアービュメントテスト 3 章・4 章のクイズ	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập, chữa bài tập 	1	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao 	3	a1, a2, b1, c1
Ôn tập 復習 1	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập Fukushu do GV phát. 	1	Tự ôn tập từ bài 30 đến bài 35	3	

Đánh giá 1: 15% <i>Kiểm tra trắc nghiệm-tự luận; Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu đã học từ bài 1 - bài 4</i>	Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định	2	- Tự ôn tập từ bài 1 đến bài 4	6	a1, a2, b1, c1
Bài 5: 5 章 - スポーツ 5.1. Bộ thủ chữ Hán bài 5 5.2. Kanji và từ vựng (20 chữ Hán) 5.3. Luyện tập đọc, viết, làm bài tập vận dụng	- Kiểm tra bài cũ - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng chữ Hán, từ vựng vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c1
Bài 6: 6 章 - 感情 6.1. Bộ thủ chữ Hán bài 6 6.2. Kanji và từ vựng (20 chữ Hán) 6.3. Luyện tập đọc, viết, làm bài tập vận dụng	- Kiểm tra bài cũ - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng chữ Hán, từ vựng vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c1
5 章・6 章のアーブメントテスト 5 章・6 章のクイズ	- Làm bài tập, chữa bài tập	1	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ Làm bài tập được giao	3	a1, a2, b1, c1
Bài 7: 7 章 - 結婚 7.1. Bộ thủ chữ Hán bài 7 7.2. Kanji và từ vựng (20 chữ Hán) 7.3. Luyện tập đọc, viết, làm bài tập vận dụng	- Kiểm tra bài cũ - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng chữ Hán, từ vựng vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c1
Ôn tập 復習 2	Làm bài tập Fukushu 2 do GV phát.	1	- Tự ôn tập từ bài 5 đến bài 7	3	a1, a2, b1, c1
Đánh giá 2: 15% <i>Kiểm tra trắc nghiệm-tự luận; Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu đã học từ bài 5- bài 7</i>	Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định	2	- Tự ôn tập từ bài 5 đến bài 7	6	a1, a2, b1, c1
Tổng số tiết/giờ học		30		90	

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

6. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra			
			a1	a2	b1	c1
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm + Tự luận	25%	x	x	x	x
	ĐG2. Tự luận + Vấn đáp	25%	x	x	x	x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài Thi kết thúc học phần	50%	x	x	x	x
<i>Tổng cộng:</i>		100%				

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, c1 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận
- Mô tả bài đánh giá [bài đánh giá 1 tập trung kiểm tra khả năng ghi nhớ chữ Hán, khả năng vận dụng từ vựng đã học từ 1 - bài 4 bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận]:

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, c1. Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận
- Mô tả bài đánh giá [bài đánh giá 2 tập trung kiểm tra khả năng ghi nhớ chữ Hán, khả năng vận dụng từ vựng đã học từ 5 – bài 7 bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận]:

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và chữ Hán cơ bản của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và chữ Hán đã học để hoàn thành các dạng bài Viết chữ Hán, chọn cách đọc đúng, chọn chữ Hán đúng, điền Từ Hán tự phù hợp, Cách dùng đúng của một từ, Chọn câu có nghĩa tương đương.
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, năng lực tự học

Bài thi gồm 2 phần Trắc nghiệm + Tự luận bao gồm các nội dung:

- Viết 10 từ vựng bằng chữ Kanji và âm đọc của từ đó theo nghĩa tiếng Việt cho trước (tổng 2 điểm)
- Chọn âm đọc đúng của Kanji: 15 câu trắc nghiệm (tổng 1.5 điểm)
- Chọn chữ Kanji đúng theo âm đọc: 15 câu trắc nghiệm (tổng 1.5 điểm)
- Điền Từ vựng chữ Hán phù hợp trong bảng cho trước, chia thể đúng nếu cần: 10 câu (tổng 2 điểm)
- Chọn câu có cách dùng đúng của từ vựng: 10 câu (tổng 1 điểm)
- Chọn câu có nghĩa tương đương: 10 câu (tổng 2 điểm)
- Đọc hiểu trình độ N4, đoạn văn N3 và trả lời câu hỏi: 2 bài (tổng 1 điểm)

Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10.

Chuẩn đầu ra: a1;a2;b1;c1.

- **Ma trận đánh giá:**

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Ghi nhớ mặt chữ, cách đọc và nắm được ý nghĩa của khoảng 140 chữ Hán thuộc cấp độ N3	Ghi nhớ tốt	Ghi nhớ khá tốt	Ghi nhớ ở mức trung bình	Ghi nhớ ở mức hạn chế	Ghi nhớ ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a2: Vận dụng các từ vựng đi kèm với các chữ Hán được học trong bài để đặt câu, điền từ, làm bài tập	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận dụng hạn chế	Vận dụng chệch
b1: Vận dụng chữ Hán, từ vựng đã học để nâng cao kỹ năng đọc hiểu văn bản trình độ N4 và đoạn văn N3.	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận dụng hạn chế	Vận dụng chệch
c1: Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Vận dụng hạn chế	Vận dụng chệch

8.4 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

$$\Sigma = \frac{\text{Đánh giá 1} * 25\% + \text{Đánh giá 2} * 25\% + \text{bài kiểm tra cuối kì} * 50\%}{100}$$

100

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:
+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa
+ Projector; Loa, Đài cassette
+ Lớp học không quá 35 sinh viên
- Yêu cầu đối với sinh viên:
+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Giảng viên và sinh viên tuân thủ các quy định về lớp học; quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; quy định về phòng thực hành tiếng và các quy định khác của nhà trường và khoa.

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số tiết. Nếu nghỉ từ 10%-20% sẽ bị trừ vào điểm chuyên cần. Nếu nghỉ 30% trở lên, sinh viên phải học lại học phần này.

Làm bài tập được giao đầy đủ, đúng hạn. Nếu không đúng hạn sẽ bị trừ 1 điểm vào 1 bài đánh giá.

Trong lớp không mất trật tự, nếu mất trật tự gây ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học sẽ bị trừ 1 điểm vào bài kiểm tra hết môn.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày 20 tháng năm 202....
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

ThS. Phạm Thị Hoàng Diệp